

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƠN TRẠCH
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 13/2020/DS-ST.

Ngày: 15/6/2020.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ngọc.

2. Bà Trần Thanh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hồng Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 60/2020/TLST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2020 về: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 350/2020/QĐXXST-DS ngày 21/5/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Chí H, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Số B.73, khu B, ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Chị Võ Thị Cẩm T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Khu B, ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Anh H, chị T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn – anh Phạm Chí H trình bày:

Từ năm 2016 đến năm 2017, thông qua quan hệ quen biết hàng xóm, anh có cho chị T vay nhiều lần, mục đích vay anh không biết, tổng cộng số tiền vay là 75.000.000 đồng, vay không tính lãi và không thời hạn vay. Lúc đầu chỉ là thỏa thuận miệng, sau đó chị T đã trả cho anh được 13.000.000 đồng, còn nợ lại 62.000.000 đồng thì chị T không trả nợ cho anh nữa, anh có yêu cầu nhiều lần nhưng chị T vẫn không chịu trả nợ. Vụ việc vay nêu trên, anh có đưa ra xã Đ hòa giải và chị T có thừa nhận còn nợ lại anh số tiền 62.000.000 đồng nêu trên, nhưng

chị T chỉ đồng ý trả cho anh mỗi tháng 700.000 đồng cho đến khi hết nợ, anh không đồng ý.

Tại tòa, anh yêu cầu chị Võ Thị Cẩm T phải trả cho anh một lần hết số tiền nợ vay 62.000.000 đồng, anh không yêu cầu tính lãi, và chỉ yêu cầu chị T trả, không yêu cầu chồng chị T là anh Lê Phước T1 liên đới trả nợ cho anh, vì đây là nợ riêng của chị T, anh T1 không hề biết, anh chỉ cho một mình chị T vay.

* Theo bản tự khai ngày 09/3/2020, bị đơn – chị Võ Thị Cẩm T trình bày:

Chị thừa nhận có nợ anh H tổng cộng 75.000.000 đồng, đã trả được 13.000.000 đồng và nay còn nợ anh H 62.000.000 đồng như anh H trình bày. Đây là nợ riêng của chị, chồng chị là anh T1 không hề biết, chị sẽ một mình đứng ra trả nợ cho anh H với số tiền mỗi tháng 700.000 đồng cho đến khi thanh toán hết nợ, vì hoàn cảnh kinh tế gia đình chị quá khó khăn nên không có khả năng trả một lần hết số nợ 62.000.000 đồng theo yêu cầu của anh H.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án: Đơn khởi kiện kèm các tài liệu, chứng cứ liên quan, chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của anh H; bản tự khai và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt tại tòa án của các đương sự; thủ tục phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Các tình tiết các bên thống nhất: Các đương sự thống nhất nội dung vụ án.

Các tình tiết các bên không thống nhất: Về phương thức trả nợ.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch phát biểu quan điểm đối với vụ án:

Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách pháp lý, thu thập chứng cứ, thủ tục phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cũng như xét đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt tại tòa án của các đương sự và việc tuân theo pháp luật tố tụng của hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng được thực hiện đúng quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 21, khoản 3 Điều 26, các điều 35, 39, 227, 228 và Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - anh Phạm Chí H đối với bị đơn – chị Võ Thị Cẩm T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; buộc chị T phải trả nợ số tiền 62.000.000 đồng; Chị T phải nộp án phí và hoàn trả tạm ứng án phí cho anh H theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Phạm Chí H là nguyên đơn và chị Võ Thị Cẩm T là bị đơn đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy cần căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Từ năm 2016 đến năm 2017, anh Phạm Chí H cho chị Võ Thị Cẩm T vay nhiều lần, mục đích vay anh không biết, tổng cộng số tiền vay là 75.000.000 đồng, vay không tính lãi và không thời hạn vay. Chị T đã trả cho anh H được 13.000.000 đồng, còn nợ lại của anh H 62.000.000 đồng. Ngày 03/12/2019, chị T làm bản cam kết trả nợ cho anh H mỗi tháng 700.000 đồng cho đến khi hết nợ, ngày bắt đầu thực hiện là ngày 03/01/2020, nhưng anh H không đồng ý.

Việc vay tiền nêu trên, chồng chị T là anh Lê Phước T1 không liên quan, vì đây là nợ riêng của chị T, anh T1 không hề biết, anh H chỉ cho một mình chị T vay. Và chị T cũng thừa nhận đây là nợ riêng của chị, chồng chị là anh T1 không hề biết, chị sẽ một mình đứng ra trả nợ cho anh H với mỗi tháng 700.000 đồng cho đến khi thanh toán hết nợ, vì hoàn cảnh kinh tế gia đình chị quá khó khăn nên không có khả năng trả một lần hết số nợ 62.000.000 đồng theo yêu cầu của anh H.

* Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phía anh H yêu cầu chị T phải trả cho anh một lần hết số tiền nợ vay 62.000.000 đồng, anh không yêu cầu tính lãi, và chỉ yêu cầu chị T trả, không yêu cầu chồng chị T là anh Lê Phước T1 liên đới trả nợ cho anh, vì đây là nợ riêng của chị T, anh T1 không hề biết, anh chỉ cho một mình chị T vay.

Tại bản tự khai ngày 09/3/2020, chị T cũng đã thừa nhận nội dung trình bày của anh H về việc vay tiền và nay chị còn nợ anh H 62.000.000 đồng. Đối với số tiền còn nợ này, chị sẽ một mình đứng ra trả nợ cho anh H với mỗi tháng 700.000 đồng cho đến khi thanh toán hết nợ, vì đây là nợ riêng của chị, chồng chị là anh T1 không hề biết.

Lời thừa nhận của bị đơn phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh H và chị T đều thừa nhận số tiền chị T còn nợ lại anh H là 62.000.000 đồng, đây là nợ riêng của chị T, chồng chị T là anh T1 không hề biết việc vay tiền trên. Và việc anh H không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nợ 62.000.000 đồng, chỉ yêu cầu chị T trả, không yêu cầu chồng chị T liên đới trả nợ cho anh, đây là sự tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật, nên cần ghi nhận. Do đó, yêu cầu khởi kiện của anh H là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với ý kiến trả nợ cho anh H với mỗi tháng 700.000 đồng cho đến khi hết nợ của chị T nhưng không được anh H đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận và hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho anh H theo quy định pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, các điều 35, 39, 92, khoản 1 Điều 228, các điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 463, 466, 469 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Chí H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với chị Võ Thị Cẩm T.

Buộc chị Võ Thị Cẩm T phải trả cho anh Phạm Chí H số tiền còn nợ 62.000.000 (Sáu mươi hai triệu) đồng, không tính tiền lãi.

2. Về án phí: Chị Võ Thị Cẩm T phải chịu 3.100.000 (Ba triệu một trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho anh Phạm Chí H số tiền 1.550.000 (Một triệu, năm trăm năm mươi nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000070 ngày 18/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND h. Nhơn Trạch;
- Chi cục THADS h. Nhơn Trạch;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hương